

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa,
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa,
Hạng mục: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 7247/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn; Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của HĐND thị trấn Nưa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 12/01/2021 của HĐND thị trấn Nưa về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 1037/PCTH-KT ngày 11/5/2022 của Công ty Điện lực Thanh Hóa về việc thỏa thuận thiết kế kỹ thuật công trình di chuyển đường điện trung áp phục vụ GPMB thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 30/2022/BCTT-ĐV ngày 13/5/2022 của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Đình Vũ về báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế BVTC và

DT công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hạng mục di chuyển đường điện phục vụ GPMB;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 267/TĐ-KTHT ngày 29/7/2022 (kèm theo Tờ trình của UBND thị trấn Nưa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hạng mục di chuyển đường điện phục vụ GPMB với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới (vị trí số 2), thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Hạng mục: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB

3. Loại, cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chủ đầu tư: UBND thị trấn Nưa.

6. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH TV đầu tư và xây dựng Bảo Nhật.

7. Nhà thầu thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Đình Vũ.

8. Giải pháp thiết kế:

8.1. Hiện trạng tuyến đường dây:

Đường dây 35kV hiện trạng thuộc lộ 372E9.17, nhánh rẽ TBA Tân Thọ 1 từ cột 1a đến cột 06; cột, xà, sứ, dây dẫn, phụ kiện các cột như sau:

- Dây dẫn: Dây nhôm lõi thép AC-70mm², chiều dài tuyến 589m.

- Cột số 1a: Loại cột 2LT-14m; 2 bộ XN-35; 01 sứ VHD-35kV; 06 chuỗi néo CN-35 tác dụng cột néo góc.

- Cột số 02: Loại cột 2LT-14m; 2 bộ XN-35; 02 sứ VHD-35kV; 06 chuỗi néo CN-35; 01 dây néo; 01 cổ dè néo; tác dụng cột néo góc.

- Cột số 03: Loại cột LT-12m, 1 bộ XD-35, 03 sứ VHD-35kV; tác dụng cột đỡ thẳng.

- Cột số 04: Loại cột LT-12m, 1 bộ XD-35, 03 sứ VHD-35kV; tác dụng cột đỡ thẳng.

- Cột số 05: Loại cột LT-12m, 1 bộ XD-35, 03 sứ VHD-35kV; tác dụng cột đỡ thẳng.

8.2. Giải pháp di chuyển đường dây trung thế

a) Dây dẫn

- Từ cột 01 đến cột 1a căng lại dây dẫn AC-70/11mm² chiều dài tuyến 120m.

- Từ cột 1a đến cột 05 kéo mới dây dẫn ACSR-95/16mm² chiều dài tuyến 511m;

- Từ cột 05 đến cột 06 căng lại dây dẫn AC-70/11mm² chiều dài tuyến 81m.

b) Cột, móng, xà, sứ

- Cột 01 (Hiện trạng): Giữ nguyên.

- Cột 1B (mới): Cột đơn LTMB 16 NPC14.0 (cột néo thẳng); Móng MT-8; Xà gồm 1 bộ xà néo bằng 35kV cột đơn XNB35-1T, 06 chuỗi néo đơn Polyme-35kV; 01 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 1A (Hiện trạng): bổ sung 03 chuỗi néo đơn Polyme-35kV

- Cột 02 (mới): Cột đơn LTMB 16 NPC14.0 (cột néo thẳng); Móng MT-8; Xà gồm 1 bộ xà néo bằng 35kV cột đơn XNB35-1T, 06 chuỗi néo đơn Polyme-35kV; 01 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 2a (mới): Cột đơn LTMB 16 NPC14.0 (cột néo thẳng); Móng MT-8; Xà gồm 1 bộ xà néo bằng 35kV cột đơn XNB35-1T, 06 chuỗi néo đơn Polyme-35kV; 01 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 03 (mới): Cột đơn LTMB 16 NPC14.0 (cột néo thẳng); Móng MT-8; Xà gồm 1 bộ xà néo bằng 35kV cột đơn XNB35-1T, 06 chuỗi néo đơn Polyme-35kV; 01 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 3a (mới): Cột đơn LTMB 16 NPC14.0 (cột néo thẳng); Móng MT-8; Xà gồm 1 bộ xà néo bằng 35kV cột đơn XNB35-1T, 06 chuỗi néo đơn Polyme-35kV; 01 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 04 (mới): Cột đôi 2LTMB 20 NPC14.0 (cột néo góc); Móng loại MTK-8; Xà gồm 1 bộ Xà phụ 1 35KV XP-1; 1 bộ Xà phụ 2 35KV XP-2; 1 bộ xà néo bằng 35kV cột đôi dọc tuyến XNB35-2TD; 1 bộ Xà néo lệch 3 tầng 35kV cột tròn đôi ngang XNL35-2TN; 03 chuỗi néo đơn Polyme-35kV; 03 chuỗi néo kép Polyme-35kV; 04 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 4a (mới): Cột đơn LTMB 20 NPC14.0 (cột néo thẳng); Móng MT-8; Xà gồm 1 bộ Xà néo lệch 3 tầng 35kV cột tròn đơn XNL35-1T, 06 chuỗi néo kép Polyme-35kV; 03 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 05 (mới): Cột đôi 2LTMB 20 NPC14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8; Xà gồm 1 bộ Xà phụ 1 35KV XP-1; 1 bộ Xà phụ 2 35KV XP-2; 1 bộ xà néo bằng 35kV cột đôi dọc tuyến XNB35-2TD; 1 bộ Xà néo lệch 3 tầng 35kV cột tròn đôi ngang XNL35-2TN; 06 chuỗi néo kép Polyme-35kV; 04 sứ VHD-35kV; 1 tiếp địa RC4.

- Cột 06 (Hiện trạng): Giữ nguyên.

(Vị trí, hình thức kết cấu chi tiết các hạng mục thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo).

9. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

9.1. Giá trị dự toán: 1.864.129.000 đ.

(Một tỷ, tám trăm sáu mươi tư triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí đền bù đất đai	20.000.000 đ
- Chi phí xây lắp	1.433.120.000 đ
- Chi phí QLDA	47.200.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	211.316.000 đ
- Chi phí khác	66.705.000 đ
- Chi phí dự phòng	88.917.000 đ
- Vật tư thu hồi	-3.129.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

9.2. Nguồn vốn: Từ nguồn cấp quyền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư ủy thác cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

Điều 2. Giao UBND thị trấn Nưa chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án đảm bảo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND thị trấn Nưa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ MỚI (VỊ TRÍ SỐ 2) THỊ TRẤN NỬA, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

HẠNG MỤC: DI CHUYỂN ĐƯỜNG ĐIỆN PHỤC VỤ GPMB

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ ĐÈN BÙ ĐẤT ĐAI	20.000.000		20.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.326.963.406	106.157.072	1.433.120.000
1	Phần đường dây trung áp xây dựng mới	1.273.840.910	101.907.273	1.375.748.000
2	Phần đường dây trung áp thu hồi	50.201.781	4.016.143	54.218.000
3	Phần thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị	2.920.714	233.657	3.154.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	47.200.088		47.200.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	195.663.016	15.653.041	211.316.000
1	Khảo sát	49.458.188	3.956.655	53.415.000
2	Lập báo cáo KT-KT	84.779.692	6.782.375	91.562.067
3	Thẩm tra thiết kế	3.848.194	307.856	4.156.049
4	Thẩm tra dự toán	3.742.037	299.363	4.041.400
5	Giám sát thi công xây dựng	46.549.876	3.723.990	50.273.866
6	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu TCXD	7.285.029	582.802	7.867.831
V	CHI PHÍ KHÁC	62.313.579	4.391.242	66.705.000
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	354.779		354.779
2	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu TCXD	2.000.000		2.000.000
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	5.068.271		5.068.271
4	Kiểm toán	17.072.072	1.365.766	18.437.838
5	Chi phí nghiệm thu đóng điện	37.818.457	3.025.477	40.843.934
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	82.607.004	6.310.068	88.917.000
A	TỔNG CỘNG (I+II+...+VI)	1.734.747.094	132.511.424	1.867.258.000
B	VẬT TƯ THU HỒI	3.129.000		3.129.000
	CÒN LẠI (A-B)	1.731.618.094	132.511.424	1.864.129.000

Một tỷ tám trăm sáu mươi bốn triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng./.